

PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH NẤM THỦY MI

1. Tác nhân gây bệnh

Bệnh do một số loài nấm thuộc các giống: Achlya, Saprolegnia, Leptolegnia... gây ra. Chúng có dạng hình sợi, thuộc nhóm nấm bậc thấp, cấu tạo sợi nấm đa bào nhưng không có các vách ngăn. Nấm sinh sản bằng nhiều hình thức khác nhau như Sinh sản dinh dưỡng bào tử, sinh sản vô tính bằng túi bào tử kín, sinh sản hữu tính bằng tiếp hợp. Bào tử nấm có tiên mao, có thể vận động trong nước nên khả năng lây lan bệnh rất cao.

2. Dấu hiệu khi cá bị bệnh

Giai đoạn đầu khi cá mới bị bệnh rất khó phát hiện được bằng mắt thường và khi đã phát hiện được bằng mắt thường có nghĩa cá đã bị bệnh nặng.

Biểu hiện của bệnh nấm thủy mi trên da cá xuất hiện các vùng trắng xám, sau vài ngày tại đó mọc lên các sợi nấm mảnh và phát triển lên thành từng búi nấm trắng như bông, 1 đầu sợi nấm bám vào da của cá, đầu kia tự do ngoài môi trường nước. Khi cá bị bệnh nấm thủy mi sẽ bơi lội không định hướng, ngứa ngáy cọ sát vào bờ hoặc là các vật dụng trong ao. Từ đó làm tróc vẩy trầy ra đây chính là cơ hội cho các tác nhân gây bệnh như vi khuẩn, ký sinh trùng xâm nhập và phát triển làm cho bệnh cá càng nặng hơn.

3. Phân bố và lan truyền bệnh

Bệnh nấm thủy mi xảy ra ở hầu hết các loài cá nước ngọt như cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và còn gây ung trứng cá nhất là trứng cá chép. Bệnh hay phát triển ở các đàn cá bị thương tổn trên da do tác động cơ học như đánh bắt, vận chuyển hay do ký sinh trùng ký sinh.

Bệnh phát triển mạnh trong các ao nuôi bị ô nhiễm do mùn bã hữu cơ, ao nuôi ít được thay nước và trong các bể áp có nhiều trứng bị ung. Nấm thường phát triển đầu tiên ở các trứng bị ung, sau lây lan nhanh sang các trứng khỏe và gây chết hàng loạt.

4. Biện pháp phòng bệnh

Cải tạo ao sau mỗi vụ nuôi bằng cách vét bùn, tạt vôi diệt tạp từ 7 – 10kg/100m² diện tích ao nuôi.

Chọn công thức nuôi cho phù hợp, không nuôi với mật độ quá dày trong khi môi trường nước không tốt.

Cá giống trước khi thả cần được tắm qua nước muối với liều lượng 2 – 4g muối/lít nước.

Cho ăn đảm bảo 4 định: định lượng, định chất, định thời gian, định địa điểm.

Rắc vôi định kỳ xuống ao nuôi 2 lần/tháng và trước khi trời mưa từ 1.5 – 2kg/100m³ nước ao.

Treo túi vôi 2 – 4kg/túi quanh chỗ cho cá ăn.

Định kỳ bổ sung Vitamin C bằng cách trộn vào thức ăn cho cá ăn với liều lượng 200 - 300g/100kg thức ăn.

Định kỳ 15 ngày dùng các chế phẩm sinh học như Biobacter, Biopower tạt 1kg cho 8.000 – 10.000m³ nước ao nuôi sẽ xử lý nước đục, nước nhờn, váng nhớt, làm sạch nước, ổn định pH, khử mùi hôi thối, phân hủy nhanh xác động thực vật, thức ăn dư thừa, mùn bã hữu cơ.

Thường xuyên theo dõi màu nước ao nuôi và kiểm tra khả năng phản xạ cũng như bắt mồi của cá. Nếu nguồn nước thuận lợi nên thay và cấp nước mới thường xuyên cho ao nuôi.

5. Phương pháp trị bệnh

Khi cá bị bệnh dùng một trong số các hóa chất sau để xử lý môi trường ao nuôi như:

Dùng Methylen với liều lượng 2-3lít cho 1.000m³ nước ao nuôi và lặp lại 2 lần trong 1 tuần.

BioIodine với liều lượng 1 lít cho 5.000m³ nước ao nuôi hoặc xử lý bằng Vicato 1kg cho 3000m³ nước ao.

Dùng 500 – 700g đồng sun phát (phèn xanh) cho 1.000m³ tạt đều khắp mặt ao nuôi.

Ngoài các hóa chất trên, người nuôi còn có thể dùng cây nghệ rễ hoặc lá xoan bó thành bó ngâm xuống ao nuôi để trị bệnh cho cá.